

Số: 2256/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung lần 1) dự án:
Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ

gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Quyết định chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu về việc Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 03 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 983/TTr-TNMT ngày 15/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (bổ sung lần 1) dự án: Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **419.183.731 đồng**.

(Bằng chữ: Bốn trăm mười chín triệu một trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi một đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	419.183.731 đồng
+ Về đất:	73.308.000 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	103.727.003 đồng
+ Về cây cối, hoa màu:	16.635.728 đồng
+ Về chính sách hỗ trợ	225.513.000 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

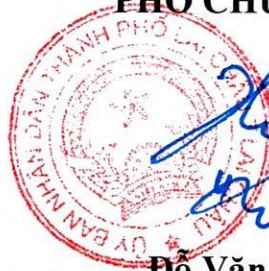
- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.
- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Giám đốc Công ty cổ phần Him Lam; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



12

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG LẦN 1

Dự án: Khu đô thị thiên đường Mắc Ca tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
A	Tổng cộng				419.183.731
1	Chi trả cho chủ sở hữu				419.183.731
a	Về đất				73.308.000
b	Về tài sản vật kiến trúc				103.727.003
c	Về cây cối hoa màu				16.635.728
d	Về chính sách hỗ trợ				225.513.000
B	Chi tiết cho các hộ dân				419.183.731
1	Sùng Páo Ly				
	Địa chỉ: Bản Lao Tỷ Phùng, xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				
					170.402.606
a	Về đất				23.748.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	791,6		
2	Loại đất				
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	791,6	30.000	23.748.000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Hàng A Dao năm 1995 (không có giấy tờ chuyển nhượng). Đất của ông Dao khai phá trước năm 1995. Ông Sùng Páo Ly đã được cấp GCNQSD đất số S253827 ngày 25/11/2000. Hiện tại gia đình ông Ly sử dụng đất không có tranh chấp với ai.				
b	Về tài sản vật kiến trúc				51.732.606
	Tài sản do ông Sùng Páo Ly tạo lập năm 2010, tạo lập không đúng mục đích sử dụng đất, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)				
1	Nhà khung cột gỗ đường kính cột >20 cm (8,0*12)	m ²	96,0	378.400	36.326.400
2	Gỗ bung quanh nhà (30*2,5)	m ²	75,0	55.000	4.125.000
3	Gỗ bung đầu hồi (11*1)	m ²	11,0	55.000	605.000
4	Gỗ bung (0,7*19)	m ²	13,3	55.000	731.500
5	Mái bro xi măng (12*9)	m ²	108,0	23.100	2.494.800

6	Cửa gỗ pano đặc gỗ loại IV (1,2*2)	m ²	2,4	659.091	1.581.818
7	Nền láng vữa xi măng dày 3cm (8,0*12)	m ²	96,0	19.800	1.900.800
8	Tường xây gạch bi T12cm (25*1,2)	m ²	30,0	63.800	1.914.000
9	Trát vữa xi măng không đánh màu 25*1,2	m ²	30,0	13.750	412.500
10	Nền bê tông đá dăm dày 10cm (3,2*6,2)	m ²	19,8	41.800	829.312
11	Bê xây gạch bi t12 cm không nắp bê tông (1,8*1,4*1,2)	m ²	3,0	268.345	811.475
c	Về cây cối hoa màu				13.598.000
1	Cây đào bán kính phát tán >4m	cây	1,0	600.000	600.000
2	Cây bưởi bán kính phát tán từ 2-4m	cây	4,0	480.000	1.920.000
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4 (bưởi, ôi)	cây	7,0	192.000	1.344.000
4	Cây xoài bán kính phát tán từ 1-2m	cây	2,0	360.000	720.000
5	Cây đào bán kính phát tán từ 1-2m	cây	1,0	360.000	360.000
6	Cây mắc ca trồng năm thứ 5	cây	10,0	350.000	3.500.000
7	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 4	cây	4,0	192.000	768.000
8	Cây vú sữa bán kính phát tán từ 1-2m	cây	4,0	360.000	1.440.000
9	Cây lấy gỗ đường kính 10-25cm	cây	6,0	42.000	252.000
10	Cây lấy gỗ đường kính 5-10cm	cây	10,0	30.000	300.000
11	Cây tre đường kính 5-10cm	cây	35,0	30.000	1.050.000
12	Cây tre đường kính <5cm	cây	28,0	18.000	504.000
13	Cây đào bán kính phát tán từ 2-4m	cây	1,0	480.000	480.000
14	Cây vú sữa bán kính phát tán từ 1-2m	cây	1,0	360.000	360.000
d	Về chính sách hỗ trợ				81.324.000
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	791,6	90.000	71.244.000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu từ 30 đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ không phải di chuyển chỗ ở 05 khẩu * 30kg gạo* 6 tháng).	Kg	720,0	14.000	10.080.000
2	Nguyễn Hữu An				

	Địa chỉ: Tổ 16, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				43.785.978
a	Về đất				3.177.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	105,9		
2	Loại đất				
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	105,9	30.000	3.177.000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Đất của ông Nguyễn Hữu An nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của bà Hoàng Thị Tuyền năm 2003, đất bà Tuyền khai phá từ năm 1994. Hiện tại ông An sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc				38.981.250
	<i>Tài sản do ông An tạo lập năm 2015 cải tạo đất, đúng mục đích sử dụng đất, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				
1	Đào đắp đất đá bằng thủ công	m ³	472,5	82.500	38.981.250
c	Về cây cối hoa màu				1.627.728
1	Cây xoan d=40cm, h=6m	m ³	0,8	480.000	361.728
2	Cây xoan d=5-10cm	cây	1,0	30.000	30.000
3	Cây ổi trồng hạt năm thứ 3	cây	6,0	132.000	792.000
4	Cây ổi bán kính phát tán từ 1-2m	cây	1,0	360.000	360.000
5	Cây xoan d=10-25cm	cây	2,0	42.000	84.000
3	Vũ Đình Thân				
	Địa chỉ: Tổ 10, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				204.995.147
a	Về đất				46.383.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.546,1		
2	Loại đất				
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	1.546,1	30.000	46.383.000
	Vị trí (VT1)				
	Đất do gia đình ông Vũ Đình Thân khai phá năm 1989. Hiện tại gia đình ông Thân sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.				
b	Về tài sản vật kiến trúc				13.013.147
	<i>Tài sản do ông Thân tạo lập năm 2000, tạo lập đúng mục đích sử dụng đất, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng (hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo điểm c, khoản 7 điều 21 QĐ 16/QĐ-UBND ngày 04/5/2020)</i>				

1	Ống nước HDPE Ø 20 PE 80. PN 12.5 dày 2mm	m	130,0	7.855	1.021.150
2	Măng sông HPDE Ø 20 PE 80	cái	5,0	17.182	85.910
2	Bể nước xây gạch bi T12cm, không nắp bê tông	m ³	1,0	536.690	536.690
4	Dây điện ngoài nhà (dây điện trần phủ dây tròn 3 ruột mềm Cu/PVC/PVC VCm-T-tròn 3x6,0 mm ²)	m	150,0	70.936	10.640.400
5	Ống nước HDPE Ø 63 PE80 . PN 6 dày 3mm	m	15,0	40.909	613.635
6	Ống nước PVC Ø 60	m	6,0	19.227	115.362
c	Về cây cối hoa màu				1.410.000
1	Cây xoan đường kính từ 10-25cm	cây	3,0	42.000	126.000
2	Cây đào bán kính phát tán từ 1-2m	cây	1,0	360.000	360.000
3	Cây ổi trồng hạt năm thứ 3	cây	5,0	132.000	660.000
4	Cây đào trồng hạt năm thứ 3	cây	2,0	132.000	264.000
d	Về chính sách hỗ trợ				144.189.000
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).	m ²	1.546,1	90.000	139.149.000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tại điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (thu từ 30 đến 70% diện tích đất nông nghiệp, hộ không phải di chuyển chỗ ở 02 khẩu * 30kg gạo* 6 tháng).	Kg	360,0	14.000	5.040.000

